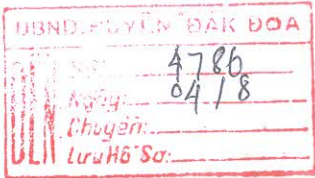


Số: 18 /2014/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 31 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất
cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở;

Theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 1954/TTr-CT ngày 14/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về trình tự, thủ tục giải quyết chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực. Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT-VHXXH, Website, KTTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thế Dũng

QUY ĐỊNH

Về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất cho
người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2014/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trình tự, thủ tục giải quyết miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai khi được Nhà nước giao đất để làm nhà ở, được phép chuyển mục đích sử dụng từ đất khác sang làm đất ở, được công nhận đất ở, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở.

2. Trường hợp người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mất mà vợ (hoặc chồng) còn sống thì vợ (hoặc chồng) được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện miễn, giảm.

1. Nguyên tắc

a) Việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở, đất ở được triển khai từng bước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; căn cứ vào công lao và hoàn cảnh khó khăn thực sự về nhà ở cụ thể của từng người; nhằm giải quyết cho một bộ phận người có công với cách mạng đang thật sự gặp khó khăn nhất về nhà ở, đất ở, không phải là chế độ áp dụng thường xuyên, đồng loạt hoặc bình quân cho tất cả các đối tượng người có công với cách mạng.

b) Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng chỉ được thực hiện một lần đối với một hộ gia đình hoặc cá nhân và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất được tính theo diện tích đất thực tế được giao, được phép chuyển mục đích sử dụng, được công nhận hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tối đa không vượt quá hạn mức đất ở cho một hộ, gia đình do UBND tỉnh quy định.

c) Trường hợp một hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng cả miễn và giảm tiền sử dụng đất theo Điều 3, Điều 4 Quy định này thì được miễn tiền sử dụng đất; trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được giảm tiền sử dụng đất nhưng có nhiều mức giảm khác nhau theo Điều 4 Quy định này thì được hưởng mức giảm cao nhất.

d) Trong một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất thì được cộng các mức giảm của từng thành viên thành mức giảm chung của cả hộ, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp trong hạn mức giao đất ở.

đ) Việc xem xét để hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở phải dựa trên kiến nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi người đó cư trú và

những kiến nghị đó phải được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xác minh lại trước khi ban hành Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất theo cơ chế ủy quyền”.

e) Không xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các trường hợp sau:

- Hộ gia đình, cá nhân đã được nhà nước giao đất ở (trước hoặc từ ngày 15/10/1993) mà không nộp tiền sử dụng đất.

- Hộ gia đình, cá nhân đã được tặng nhà tình nghĩa.

- Hộ gia đình, cá nhân hiện đã có đất ở ổn định ngoài lô đất đề nghị miễn giảm (đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở nhưng đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân) mà diện tích đất ở lớn hơn hoặc bằng hạn mức đất ở do UBND tỉnh quy định.

2. Điều kiện.

a) Phải có hồ sơ gốc quản lý tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh và đang hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Gia Lai và đang thực sự gặp khó khăn về nhà ở.

CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM CỤ THỂ

Điều 3. Miễn tiền sử dụng đất.

Người có công với cách mạng khi được giao đất ở, được phép chuyển mục đích sử dụng, được công nhận hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì được miễn tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng.

Điều 4. Giảm tiền sử dụng đất

Giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở do UBND tỉnh quy định cho các đối tượng là người có công với cách mạng khi được giao đất ở, được phép chuyển mục đích sử dụng, được công nhận hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở như sau:

1. Giảm 90% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80%;

2. Giảm 80% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60%;

3. Giảm 70% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Thân nhân của liệt sỹ quy định tại Khoản 1, Điều 14 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ”, gồm: Cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con; người có công nuôi dưỡng khi liệt sỹ còn nhỏ, bao gồm cả các trường hợp có hoặc không được hưởng trợ cấp hàng tháng); thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ suy giảm khả

năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang được hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”; người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”.

4. Giảm 65% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng I hoặc Huân chương Chiến thắng hạng I.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Đối với người sử dụng đất

Người có công với cách mạng xin miễn, giảm tiền sử dụng đất lập 02 (hai) bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất để được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất (Theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

- Hộ khẩu thường trú (bản sao có công chứng hoặc chứng thực); đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở nơi chưa có hộ khẩu phải có xác nhận của UBND cấp xã.

- Các loại giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (bản sao có công chứng hoặc chứng thực);

Người có công với cách mạng khi thực hiện thủ tục để được giao đất ở, được phép chuyển mục đích sử dụng, được công nhận hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở phải thực hiện kê khai đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất tại Tờ khai tiền sử dụng đất (Theo mẫu 01/TSDĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính) trong hồ sơ về đất đai gửi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Điều 6. Đối với các cơ quan nhà nước.

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Khi nhận được hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất của người có công với cách mạng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ có trách nhiệm:

a) Căn cứ tình hình nhà ở, đất ở của các đối tượng chính sách trên địa bàn, tiến hành bình xét, lấy ý kiến công khai của các tổ chức, đoàn thể và nhân dân về đối tượng khó khăn về nhà ở, đất ở thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất và xác định mức miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

b) Sau khi bình xét công khai, nếu đối tượng thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng theo cơ chế ủy quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác, công khai, dân chủ của các nội dung thể hiện trong văn bản đề nghị miễn, giảm.

Văn bản đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thể hiện rõ các nội dung: Điều kiện nhà ở, đất ở hiện nay của người đề

ngiht miễn giảm; đối tượng đã được cấp đất, miễn giảm tiền sử dụng đất lần nào chưa; Diện tích đất ở trong hạn mức được miễn giảm tại địa phương theo quy định; Người đề nghị miễn giảm thuộc đối tượng chính sách nào; mức (tỷ lệ %) miễn giảm của từng trường hợp cụ thể, kèm theo 02 (hai) bộ hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất của người sử dụng đất (một bộ hồ sơ đã lưu tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn).

c) Trường hợp không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có văn bản trả lời cho người đề nghị miễn giảm tiền sử dụng đất được biết. Hàng quý, UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm lập hồ sơ, thống kê các đối tượng đã được bình xét, đề nghị cấp trên hỗ trợ cải thiện nhà ở, trong đó phải thể hiện danh sách từng thành viên cụ thể trong hộ gia đình để theo dõi và quản lý đối tượng được hỗ trợ cải thiện nhà ở.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng có trách nhiệm thẩm tra, xác minh lại từng trường hợp cụ thể về đối tượng, mức miễn, giảm theo đúng quy định. Trường hợp xác định thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất của người sử dụng đất gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội để thực hiện kiểm tra hồ sơ cá nhân đảm bảo đúng đối tượng chính sách. Sau khi nhận kết quả xác nhận của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cá nhân thuộc đối tượng chính sách, được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất theo cơ chế đã được ủy quyền cho đối tượng chính sách.

Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phải ghi rõ tên, địa chỉ cư trú của đối tượng được miễn giảm; địa chỉ thửa đất được miễn, giảm tiền sử dụng đất và số tiền được miễn giảm của từng trường hợp cụ thể.

Trường hợp Phòng Lao động Thương binh và Xã hội sau khi kiểm tra hồ sơ có kết quả trả lời cá nhân không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất hoặc hồ sơ chưa đầy đủ thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có văn bản trả lời đề Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và người sử dụng đất biết lý do không được miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Hàng quý, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổng hợp việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội: Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng có trách nhiệm:

a) Kiểm tra hồ sơ của từng trường hợp cụ thể về đối tượng, mức miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

b) Trường hợp đủ điều kiện ban hành Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội xác nhận vào hồ sơ và gửi lại cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Trường hợp không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất hoặc hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và người sử dụng đất biết.

4. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: Có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất do hộ gia đình chính sách nộp; Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ghi đầy đủ các chỉ tiêu vào “Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính” theo mẫu số 02-05/VPĐK ban hành kèm theo Thông tư liên bộ số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, chuyển giao cho Chi cục Thuế một (01) bản chính Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính.

5. Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện, thị xã, thành phố tính toán số tiền sử dụng đất mà hộ gia đình, cá nhân được miễn, giảm; số tiền sử dụng đất còn lại phải nộp (nếu có). Thời gian thực hiện không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Khi nhận được Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển đến, Chi cục Thuế huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thông báo số tiền sử dụng đất đã được miễn, giảm; số tiền sử dụng đất còn lại phải nộp (nếu có) cho hộ gia đình, cá nhân. Thời gian thực hiện không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố) quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng là người có công với cách mạng theo quy định này.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo và đề xuất ý kiến (thông qua Cục Thuế tỉnh) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thế Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 01/MGTSDĐ

....., ngày..... tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM) TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: - UBND huyện, thị xã, thành phố.....
- UBND xã, phường, thị trấn.....

Họ và tên người đề nghị miễn (giảm):.....

Địa chỉ cư trú:.....

Điện thoại:.....

Đề nghị miễn (giảm) tiền sử dụng đất với lý do cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm):

Thuộc diện chính sách:

.....

Phát sinh tiền sử dụng đất phải nộp do:

.....

Thông tin về thửa đất đang đề nghị miễn giảm:

+Địa chỉ thửa đất xin miễn (giảm) tiền SDD:.....

+Diện tích:.....

+Số tờ bản đồ: Số thửa.....

Thông tin về các thửa đất khác (nếu có):

Thửa 1:

+ Địa chỉ: Diện tích:.....

+ Số tờ bản đồ: Số thửa.....

Thửa 2:

+ Địa chỉ: Diện tích:.....

+ Số tờ bản đồ: Số thửa.....

2. Cam đoan của người sử dụng đất:

Tôi đã (chưa) được miễn (giảm) tiền SDD:

.....

Tôi đã (chưa) được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao nhà tình nghĩa, bán nhà thuộc SHNN không thu tiền sử dụng đất:.....

Tôi cam đoan những điều trình bày trên là đúng sự thật, nếu gian dối tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

3. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú

.....
.....
.....